

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2020/DS-ST**
Ngày: 21-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng.

2. Ông Lâm Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Cao Trương Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở: phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hải A**, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 123/UQ-NHCS ngày 05 tháng 10 năm 2019). (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lâm C, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lý Thị D**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Ngân hàng) đã giải ngân cho ông Lâm C vay tiền, cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Vào ngày 27 tháng 01 năm 2010, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C vay số tiền 8.000.000 đồng, để xây dựng nhà ở, lãi suất 0,25%/tháng, lãi quá hạn 0,325%/tháng, thời hạn vay là 10 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19 tháng 02 năm 2020. Theo thỏa thuận thì 12 tháng trả gốc một lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Ông C không trả vốn vay, tiền lãi đúng thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày khởi kiện còn nợ vốn vay là 8.000.000 đồng và tiền lãi là 788.841 đồng.

Khoản vay thứ hai: Vào ngày 19 tháng 8 năm 2015, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C vay số tiền 13.000.000 đồng, để chăn nuôi bò, lãi suất 0,55%/tháng, lãi quá hạn 0,715%/tháng, thời hạn vay là 05 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19 tháng 8 năm 2020. Theo thỏa thuận thì 12 tháng trả gốc một lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Ông C không trả vốn vay, tiền lãi đúng thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày khởi kiện còn nợ vốn vay là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 3.135.065 đồng.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C phải trả số tiền của hai khoản vay tổng cộng là 24.923.906 đồng, gồm vốn vay là 21.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện (ngày 25 tháng 10 năm 2019) là 3.923.906 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi ông C trả tất nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, khi ông C được giải ngân tiền vay đối với hai khoản vay trên thì ông C, bà D có quan hệ là vợ chồng, bà D là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông C nên bà D phải có trách nhiệm cùng ông C trả tiền vay, đồng thời yêu cầu ông C, bà D phải trả số tiền lãi còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, ông C, bà D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21 tháng 9 năm 2020) là 24.030.058 đồng, gồm vốn vay là 21.000.000 đồng, tiền lãi là 3.030.058 đồng và yêu cầu tính lãi cho đến khi ông C, bà D trả tất nợ.

- *Đối với bị đơn ông Lâm C:*

Ông C đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo thụ lý vụ án (bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham

gia tố tụng); các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cùng Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C đều vắng mặt, không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D:

Bà D đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án (bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng); Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cùng Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D vắng mặt, không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt các phiên tòa là chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lâm C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D phải trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ của hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 24.030.058 đồng, gồm vốn vay là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 3.030.058 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Lâm C và bà Lý Thị D phải trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ. Ông C, bà D cùng cư trú tại Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C, bà D đều vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông C, bà D. Hội đồng xét xử thấy, ông C, bà D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà D.

[3] Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà D cùng ông C trả số tiền vay và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy, ông C, bà D có quan hệ là vợ chồng, mục đích ông C vay tiền để chăn nuôi, xây dựng nhà ở nhằm phát triển kinh tế và phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà D còn là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông C nên bà D phải có trách nhiệm cùng ông C trả tiền vay. Khi khởi kiện thì Ngân hàng chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày khởi kiện đối với hai khoản vay, tại phiên tòa thì người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện này của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[4] Ngân hàng yêu cầu ông C, bà D phải trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21 tháng 9 năm 2020) là 24.030.058 đồng, gồm vốn vay là 21.000.000 đồng, tiền lãi là 3.030.058 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi cho đến khi ông C, bà D trả tất nợ. Ông C, bà D đều không có văn bản tường trình ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy:

[5] Theo các chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp gồm: Sổ vay vốn (Ngân hàng lưu trữ), họ và tên người vay Lâm C; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 27 tháng 01 năm 2010 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 23 tháng 02 năm 2010); Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ tên khách hàng Lâm C, mã món vay: 6000006200012916; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 02 tháng 8 năm 2015 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 17 tháng 8 năm 2015); Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ tên khách hàng Lâm C, mã món vay: 6600000705304825 thì:

Vào ngày 27 tháng 01 năm 2010 và ngày 02 tháng 8 năm 2015 ông C đề nghị Ngân hàng vay số tiền 8.000.000 đồng để xây dựng nhà ở, lãi suất là 0,25%/tháng và vay số tiền 13.000.000 đồng để chăn nuôi bò, lãi suất là 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Đến ngày 27 tháng 02 năm 2010 và ngày 19 tháng 8 năm 2015 ông C được Ngân hàng giải ngân hai khoản vay số tiền 21.000.000 đồng, ông C có ký tên vào mục người vay của Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ông C có vay của Ngân hàng hai khoản vay, tổng cộng số tiền vay là 21.000.000 đồng. Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[6] Tại điểm b, tiểu mục 1, Mục 1 của Sổ vay vốn quy định quyền của bên cho vay: *“Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích”* và điểm b, c tiểu mục 2.2. Mục 2 của Sổ vay vốn quy định về nghĩa vụ của hộ vay: *“Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Sổ vay vốn”, “Trả nợ gốc và tiền lãi vay theo thỏa thuận trong Sổ vay vốn”*. Ngoài ra, tại Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Theo các quy định này thì ông C phải có nghĩa vụ trả tiền vay đúng như thỏa thuận, cụ thể là 12 tháng phải trả gốc một lần, thế nhưng sau khi nhận tiền vay thì ông C không trả vốn vay theo thỏa thuận, đến ngày xét xử sơ thẩm ông C còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay của hai khoản vay tổng cộng là 21.000.000 đồng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ vay. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông C trả tiền vốn vay còn nợ của hai khoản vay tổng cộng 21.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Theo các Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 27 tháng 01 năm 2010 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 23 tháng 02 năm 2010) và Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay ngày 02 tháng 8 năm 2015 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 17 tháng 8 năm 2015) thì khoản vay 8.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi suất là 0,25%/tháng, khoản vay 13.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi suất là 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn của hai khoản vay này là 130% lãi suất khi cho vay và lãi vay trả định kỳ vào ngày 19. Thế nhưng ông C không trả lãi vay đúng thỏa thuận, đối với khoản vay 8.000.000 đồng thì ông C đã trả tất lãi với số tiền là 2.572.667 đồng, còn khoản vay 13.000.000 đồng ông C đã trả lãi được số tiền 1.395.792 đồng, còn nợ lại số tiền 3.030.058 đồng. Hội đồng xét xử thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, ông C không trả lãi đúng thỏa thuận, phát sinh nợ lãi, số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông C trả tiền lãi còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.030.058 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: *“Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiếu yếu của gia đình”* và tại Mục 2. của Sổ vay vốn (Ngân hàng lưu giữ) thì bà D có quan hệ là vợ và là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ của ông C. Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm ông C được Ngân hàng giải ngân tiền vay thì ông C và bà D có quan hệ là vợ chồng, mục đích ông C vay tiền để xây dựng nhà ở và chăn nuôi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, phát phát triển kinh tế gia đình để thoát nghèo, bà D còn là người thừa kế nghĩa vụ trả nợ vay của ông C. Do đó, bà D phải có nghĩa vụ cùng ông C trả số tiền vay còn nợ Ngân hàng.

[9] Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông C, bà D trả vốn vay, tiền lãi còn nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21 tháng 9 năm 2020) tổng cộng là 24.030.058 đồng, gồm vốn vay là 21.000.000 đồng, tiền lãi là 3.030.058 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Như đã phân tích trên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông C, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 24.030.058 đồng x 05% = 1.201.503 đồng (tính tròn số là 1.202.000 đồng).

Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471, Khoản 1 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm c Khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn ông Lâm C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị D về việc yêu cầu trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ.

2. Buộc vợ chồng ông Lâm C và bà Lý Thị D phải trả cho Ngân hàng C số tiền còn nợ của hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21 tháng 9 năm 2020) tổng cộng là 24.030.058 đồng (*bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn, không trăm năm mươi tám đồng*), gồm:

- Vốn vay: 21.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng*).

- Tiền lãi: 3.030.058 đồng (*bằng chữ: Ba triệu, không trăm ba mươi nghìn, không trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lâm C và bà Lý Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định trong khế ước vay ngày 27 tháng 02 năm 2010 (lãi suất là 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi vay) và khế ước ngày ngày 19 tháng 8 năm 2015 (lãi suất là 0,55%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi vay) cho đến khi thi hành xong nợ gốc chưa trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

- Vợ chồng ông Lâm C và bà Lý Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.202.000 đồng (*bằng chữ: Một triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng*).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hùng – Lâm Ngọc Hà

Cao Thành Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt